

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20192**  
**Lớp CĐT 1 K9 Mã lớp học 28,047 Lý thuyết**

Môn học: MH009 Chính trị cuối khóa

Giáo viên: Trình Thị Thúy.....

Số đơn vị học trình: 1

Ngày thi 23/05/2020

| STT | Mã SV    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV     | Ghi chú      |
|-----|----------|--------------------|------------|------|-------|---------------|--------------|
| 1   | CD170459 | Đổng Ngọc An       | 22/10/1999 | 8    | 02    | <u>An</u>     |              |
| 2   | CD174001 | Nguyễn Tuấn Anh    | 22/09/1999 | 6    | 02    | <u>Anh</u>    |              |
| 3   | CD172382 | Trần Thanh Châu    | 16/06/1999 | 7    | 01    | <u>Châu</u>   |              |
| 4   | CD170599 | Bùi Minh Chiến     | 02/10/1999 | 8    | 01    | <u>Chiến</u>  |              |
| 5   | CD172478 | Đặng Kim Cương     | 30/06/1999 | 7    | 01    | <u>Cương</u>  |              |
| 6   | CD170634 | Ngô Phú Mạnh Cường | 01/01/1999 | 8    | 02    | <u>Cường</u>  |              |
| 7   | CD170379 | Nguyễn Mạnh Cường  | 25/04/1998 | 7    | 01    | <u>Cường</u>  |              |
| 8   | CD172398 | Nguyễn Xuân Đình   | 26/08/1999 | 8    | 02    | <u>Đình</u>   |              |
| 9   | CD170411 | Bùi Đăng Đô        | 19/08/1999 | 7    | 01    | <u>Đô</u>     |              |
| 10  | CD172476 | Đặng Hữu Đức       | 28/10/1999 | 7    | 02    | <u>Đức</u>    |              |
| 11  | CD170314 | Nguyễn Việt Đức    | 05/06/1999 | 6    | 01    | <u>Đức</u>    |              |
| 12  | CD170540 | Trần Đăng Đức      | 18/09/1999 | 8    | 02    | <u>Đức</u>    |              |
| 13  | CD170648 | Đặng Văn Dũng      | 10/03/1999 | 7    | 02    | <u>Dũng</u>   |              |
| 14  | CD172215 | Phạm Tiến Dũng     | 30/07/1999 | 6    | 01    | <u>Dũng</u>   |              |
| 15  | CD170300 | Trần Tuấn Dương    | 25/05/1999 | 7    | 02    | <u>Dương</u>  |              |
| 16  | CD172464 | Nguyễn Anh Duy     | 15/01/1999 | 6    | 01    | <u>Duy</u>    |              |
| 17  | CD172439 | Nguyễn Duy Hiền    | 12/09/1999 | 6    | 02    | <u>Hiền</u>   |              |
| 18  | CD170623 | Nguyễn Minh Hiếu   | 08/03/1998 | 7    | 01    | <u>Hiếu</u>   |              |
| 19  | CD172483 | Đỗ Huy Hoàng       | 28/10/1999 | 6    | 01    | <u>Hoàng</u>  |              |
| 20  | CD172479 | Uông Việt Hoàng    | 08/10/1999 | 7    | 02    | <u>Hoàng</u>  | <u>Hoàng</u> |
| 21  | CD170562 | Chu Mạnh Hưng      | 02/04/1999 | 8    | 02    | <u>Hưng</u>   | <u>Hưng</u>  |
| 22  | CD170336 | Đinh Quang Huy     | 01/06/1999 | 8    | 02    | <u>Huy</u>    |              |
| 23  | CD161946 | Nguyễn Quang Huy   | 09/01/1998 | 7    | 02    | <u>Huy</u>    |              |
| 24  | CD173996 | Lê Văn Khánh       | 02/08/1997 | 7    | 02    | <u>Khánh</u>  |              |
| 25  | CD173994 | Trần Trung Kiên    | 03/02/1996 | 8    | 02    | <u>Kiên</u>   |              |
| 26  | CD170595 | Mai Công Linh      | 15/05/1999 | 6    | 02    | <u>Linh</u>   |              |
| 27  | CD170576 | Dương Quang Minh   | 19/12/1998 | 5    | 01    | <u>Minh</u>   |              |
| 28  | CD170357 | Nguyễn Văn Nam     | 17/03/1999 | 6    | 01    | <u>Nam</u>    |              |
| 29  | CD173991 | Nguyễn Văn Năm     | 10/02/1992 | 8    | 02    | <u>Năm</u>    |              |
| 30  | CD170655 | Lê Trung Nguyên    | 12/02/1998 | 6    | 01    | <u>Nguyên</u> |              |
| 31  | CD172456 | Ngô Huy Phong      | 01/07/1999 | 6    | 01    | <u>Phong</u>  |              |
| 32  | CD170662 | Phạm Đại Phong     | 11/09/1999 | 7    | 01    | <u>Phong</u>  |              |
| 33  | CD170603 | Nguyễn Phú Quang   | 15/02/1999 | 6    | 01    | <u>Quang</u>  |              |
| 34  | CD170609 | Nguyễn Thị Quỳnh   | 20/04/1999 | 8    | 02    | <u>Quỳnh</u>  |              |
| 35  | CD170577 | Trần Hồng Sơn      | 03/10/1999 | 6    | 01    | <u>Sơn</u>    |              |

| STT | Mã SV    | Họ và tên        | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 36  | CD170601 | Đinh Tuấn Thanh  | 15/10/1999 | 8    | 02    | Thanh     |         |
| 37  | CD170660 | Quách Văn Thành  | 03/10/1999 | 7    | 01    | Thành     |         |
| 38  | CD170410 | Vương Bá Thịnh   | 06/05/1999 | 7    | 02    | Thịnh     |         |
| 39  | CD173903 | Hoàng Minh Tiến  | 22/03/1999 | 7    | 01    | Tiến      |         |
| 40  | CD170310 | Lưu Hoàng Trung  | 11/04/1999 | 8    | 02    | Trung     |         |
| 41  | CD172445 | Tạ Tương Trung   | 17/12/1999 | 6    | 01    | Tương     |         |
| 42  | CD170441 | Nguyễn Văn Tú    | 23/12/1999 | 6    | 02    | Tú        |         |
| 43  | CD170600 | Đinh Đức Tuấn    | 08/11/1999 | 6    | 01    | Tuấn      |         |
| 44  | CD170414 | Nguyễn Quốc Tuấn | 27/03/1999 | 7    | 02    | Tuấn      |         |
| 45  | CD170558 | Nguyễn Văn Tuấn  | 06/04/1999 | 7    | 01    | Tuấn      |         |
| 46  | CD170559 | Kiều Công Tuyển  | 04/10/1999 | 6    | 01    | Tuyển     |         |
| 47  | CD170682 | Nguyễn Thế Vinh  | 16/03/1999 | 6    | 01    | Vinh      |         |

Tổng số sinh viên dự thi: 47

Số sinh viên đạt: 47

Tổng số tờ giấy thi: 70

Ngày giáo viên nộp điểm: 1/6/2020

Hạn cuối nộp điểm: .....

PHÒNG ĐÀO TẠO

*Trần Thị Như Trang*

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

*Đinh Thị Thuý*

CÁN BỘ COI THI 1

*Đỗ Thị Kim Hoa*

TRƯỞNG KHOA

*ThS. Lê Thị Tuyết Ngọc*

CÁN BỘ COI THI 2

*Nguyễn Châu Dung*

PHÓ TRƯỞNG KHOA

ThS. Lê Thị Tuyết Ngọc